

THỰC TRẠNG TRẺ CHẬM PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

ĐỖ HẠNH NGÀ*, CAO THỊ XUÂN MỸ**

TÓM TẮT

Bài viết xử lý các số liệu thu thập được từ kết quả khảo sát phụ huynh trẻ chậm phát triển trí tuệ (CPTTT) tại một số cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật trong phạm vi TP HCM. Kết quả cho thấy những khó khăn trong việc giáo dục trẻ CPTTT, những nhu cầu bức thiết của gia đình trẻ trong hiện tại cũng như trong tương lai, như: việc giao tiếp với trẻ luôn gặp khó khăn; nỗi lo lắng nếu người lao động chính trong gia đình ốm đau, tai nạn; không có ai chăm sóc trẻ; bản khoán về nghề nghiệp của trẻ một khi bố mẹ không còn.

ABSTRACT

Status of mentally retarded children in Ho Chi Minh City

The article is about the survey on parents whose children are mentally retarded in some special educational institutions for handicapped children in Ho Chi Minh City. The findings show many difficulties in bringing up intellectual disable children, the parents' critical needs of supports from society at present and in the future such as difficulties in communicating with their children; worrying about what happens if main workers in the family would get sick, or be in an accident; about children's careers; and about that who would take care of their children if they pass away.

Kết hợp với việc thực hiện công trình “Nghiên cứu tổng quát về gia đình trẻ khuyết tật tại Đông Á”¹ của Hội nghiên cứu “Phát triển chương trình giáo dục trị liệu cho trẻ khuyết tật phát triển” do giáo sư Araki Hozomi (Trường Đại học Ritsumeikan – Kyoto, Nhật Bản) chủ trì, vào tháng 12-2009, chúng tôi tiến hành thu thập số liệu nhằm tìm hiểu phần nào thực trạng trẻ CPTTT và nhu cầu của gia đình trẻ CPTTT tại TP Hồ Chí Minh.

Những kết quả phân tích trong bài dựa trên số liệu khảo sát thu được trên địa bàn TP Hồ Chí Minh, bao gồm các đơn vị sau:

Bảng 1. Tên và số lượng các đơn vị được khảo sát²

STT	Trường/ Trung tâm	Tần số	Tỷ lệ %
1	Trường chuyên biệt Gia Định	18	17,1
2	Trường chuyên biệt Bình Minh	21	20,0
3	Trường mẫu giáo Sương Mai	27	25,7
4	Trung tâm nghiên cứu trẻ khuyết tật	39	37,1
	Tổng số	105	100

* TS, Khoa Xã hội học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM

** TS, Khoa Giáo dục Đặc biệt Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Phiếu khảo sát được phát cho phụ huynh có con em bị CPTTT tại 4 trường/trung tâm, gồm: Trường Chuyên biệt Gia Định, Trường Chuyên biệt Bình Minh, Trường Mẫu giáo Sương Mai và Trung tâm Nghiên cứu trẻ Khuyết tật với tổng số phiếu thu được là 105. Trường Gia Định 18 phiếu (chiếm 17,1%), Trường Bình Minh 21 phiếu (chiếm 20%), Trường Sương Mai 27 phiếu (chiếm 25,7%) và Trung tâm Nghiên cứu trẻ khuyết tật 39 phiếu (chiếm 37,1%). Đây là những Trường và Trung tâm có thâm niên trong việc giáo dục trẻ khuyết tật tại TP Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, mẫu được chọn trong nghiên cứu đã đại diện được cho dân số trẻ CPTTT của TP Hồ Chí Minh.

Xét về giới tính, có 72 em nam (chiếm 68,6 %) và 28 em nữ (chiếm 26,7 %). Con số này cho thấy em nam bị chậm phát triển trí tuệ nhiều hơn em nữ. Kết quả thống kê này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học về việc chứng minh tỷ lệ trẻ em nam bị chậm phát triển trí tuệ nhiều hơn em nữ (theo Newschaffer CJ, Croen LA, Daniels J *et al.* (2007))

Nơi trẻ đang học cũng là một chỉ số nói lên thực trạng của trẻ khuyết tật.

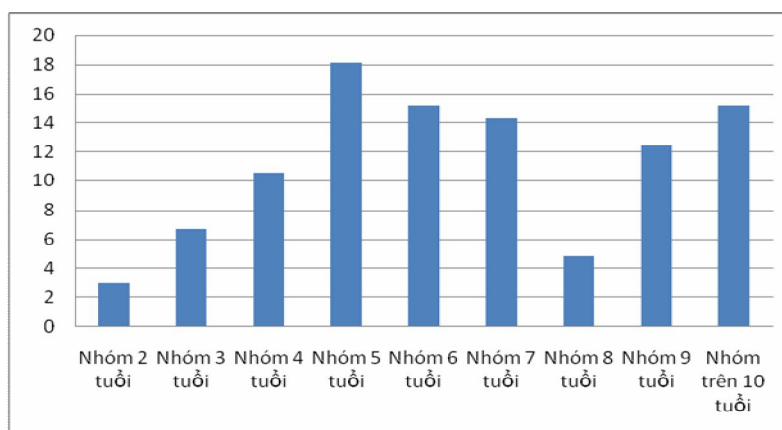
Bảng 2. Nơi trẻ đang học

STT	Nơi trẻ đang học	Tần số	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % hợp lệ	Tỷ lệ % tích lũy
1	Nhà trẻ Mẫu giáo	32	30,5	31,7	31,7
2	TT nuôi dưỡng Mầm non	1	1,0	1,0	32,7
3	Trường Tiểu học	9	8,6	8,9	41,6
4	Trường Chuyên biệt	49	46,7	48,5	90,1
5	Ở nhà	5	4,8	5,0	95,0
6	Khác	5	4,8	5,0	100,0
Tổng cộng		101	96,2	100,0	
Không trả lời		4	3,8		
Tổng số		105	100,0		

Trong 105 trẻ thu số liệu có 32 trẻ đang học nhà trẻ mẫu giáo (chiếm 30,5%), 49 trẻ đang học tại các trường chuyên biệt (chiếm 46,7 %), 9 trẻ đang học ở trường tiểu học (chiếm 8,6%), 5 trẻ (chiếm 4,8%) đang ở nhà, chứng tỏ số trẻ được học hòa nhập là rất ít.

Tuổi của trẻ được thực hiện trong khảo sát từ 2 đến 16 tuổi, được phân bố như sau:

Biểu đồ 1. Phân loại theo nhóm tuổi



Tính theo tuổi, có 3 em 2 tuổi (chiếm tỷ lệ 2,9%); 7 em 3 tuổi (6,7%); 11 em 4 tuổi (10,5%); 19 em 5 tuổi (18,1%); 16 em 6 tuổi (15,2%); 15 em 7 tuổi (14,3%); 5 em 8 tuổi (4,8%); 13 em 9 tuổi (12,4%); 6 em 10 tuổi (5,7%); 1 em 11 tuổi (1,0%); 1 em 12 tuổi (1,0%); 4 em 13 tuổi (3,8%); 1 em 14 tuổi (1,0%); 2 em 15 tuổi (1,9%) và 1 em 16 tuổi (1,0%). Quan sát biểu đồ cho thấy trẻ CPTTT được đến trường tập trung vào độ tuổi từ 3 đến 10 tuổi, như vậy sau 10 tuổi phần lớn các em không được tiếp tục học tập – đây là một thực trạng đáng lưu ý cho vấn đề hòa nhập trẻ CPTTT ở nước ta hiện nay nói chung và TP HCM nói riêng.

Dạng tật chính hoặc biểu hiện của trẻ

Bảng 4. Các loại tật

STT	Các loại tật	Tần số	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % hợp lệ	Tỷ lệ % tích lũy
1	Chậm phát triển trí tuệ	22	21,0	21,6	21,6
2	Chậm phát triển vận động	4	3,8	3,9	25,5
3	Chậm phát triển ngôn ngữ	35	33,3	34,3	59,8
4	Tự kỷ/Asperger	31	29,5	30,4	90,2
5	ADHD/LD	3	2,9	2,9	93,1
6	Vấn đề hành vi	3	2,9	2,9	96,1
7	Chưa được chẩn đoán	1	1,0	1,0	97,1
8	Khác	3	2,9	2,9	100,0
Tổng cộng		102	97,1	100,0	
Không trả lời		3	2,9		
Tổng số		105	100,0		

Về dạng tật chính, có 35 em (33,3%) chậm phát triển ngôn ngữ, 31 em (29,5%) thuộc dạng rối loạn phát triển (có thể thuộc hội chứng tự kỷ hoặc Asperger), 22 em (21%) thuộc dạng chậm phát triển trí tuệ, số còn lại 17 em (16,2%) là thuộc các dạng tật khác hoặc không tham gia trả lời.

Từ các dạng tật trên, dẫn đến những vấn đề sau ở trẻ:

Mức độ truyền đạt ý tưởng tới người khác và hiểu ý tưởng của người khác

Bảng 5. Mức độ truyền đạt ý tưởng

STT	Mức độ truyền đạt ý tưởng	Tần số	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % hợp lệ	Tỷ lệ % tích lũy
1	Có thể giao tiếp tự nhiên	9	8,6	8,8	8,8
2	Không khó khăn khi nói chuyện với người khác	5	4,8	4,9	13,7
3	Có thể thực hiện theo cách đơn giản	76	72,4	74,5	88,2
4	Không thể thực hiện được	12	11,4	11,8	100,0
Tổng cộng		102	97,1	100,0	
Không trả lời		3	2,9		
Tổng số		105	100,0		

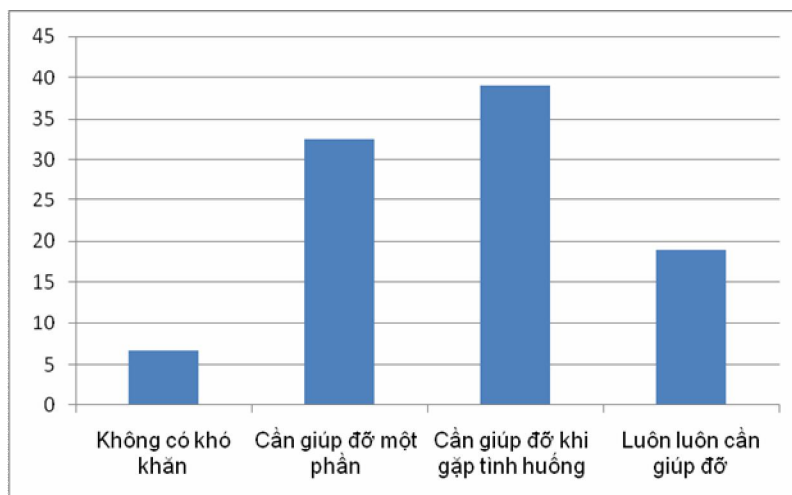
Xét về mức độ truyền đạt ý tưởng tới người khác và hiểu ý tưởng của người khác, đa số phụ huynh (72,4%) nhận xét rằng con của họ có thể thực hiện được việc truyền đạt ý tưởng tới người khác và hiểu ý tưởng của người khác một cách đơn giản và có 11,4% phụ huynh cho rằng con họ không thể thực hiện được việc này. Chỉ có một tỷ lệ rất ít với 8,6% phụ huynh tự tin nói rằng con của họ có thể giao tiếp tự nhiên và 4,8% phụ huynh cho rằng con họ không gặp khó khăn khi nói chuyện với người khác. Điều này cho thấy khả năng giao tiếp, truyền đạt ý tưởng và hiểu ý tưởng của người khác là một vấn đề lớn không những ở trẻ chậm phát triển ngôn ngữ mà còn ở cả trẻ chậm phát triển trí tuệ và trẻ rối loạn phát triển thuộc hội chứng tự kỷ và Asperger.

Mức độ khó khăn của trẻ trong sinh hoạt hàng ngày

Bảng 6. Khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày

STT	Loại khó khăn	Tần số	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % hợp lệ	Tỷ lệ % tích lũy
1	Không có khó khăn	7	6,7	6,9	6,9
2	Cần giúp đỡ một phần	34	32,4	33,3	40,2
3	Cần giúp đỡ khi gặp tình huống	41	39,0	40,2	80,4
4	Luôn luôn cần giúp đỡ	20	19,0	19,6	100,0
Tổng số		102	97,1	100,0	
Không trả lời		3	2,9		
Tổng số		105	100,0		

Biểu đồ 2. Khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày



Chỉ có tỷ lệ rất nhỏ phụ huynh (6,7%) nhận xét rằng con của họ không gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày, 32,4% phụ huynh cho rằng con họ cần giúp đỡ một phần, 39% phụ huynh nhận xét con họ cần được giúp đỡ khi gặp tình huống và một tỷ lệ khá cao trẻ khuyết tật (19%) luôn luôn cần được giúp đỡ trong sinh hoạt hàng ngày.

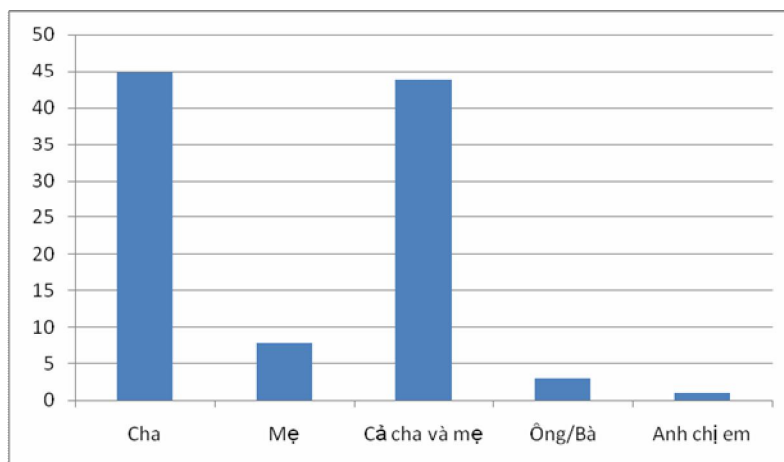
Bảng 7. Những thành viên trong gia đình đang sống cùng với trẻ

	Cha		Mẹ		Anh chị em		Ông		Bà		Người thân khác	
	Tần số	%	Ts	%	Ts	%	Ts	%	Ts	%	Ts	%
Có	96	91,4	97	92,4	72	68,6	22	21,0	25	23,8	37	35,2
Không	7	6,7	6	5,7	31	29,5	81	77,1	78	74,3	66	62,9

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn trẻ khuyết tật đều được sống trong gia đình có đầy đủ cha (91,4%) và mẹ (92,4%). Có một tỷ lệ rất lớn (68,6%) trẻ khuyết tật có anh chị em, nhưng chỉ có tỷ lệ khiêm tốn trẻ khuyết tật sống cùng ông (21%), bà (23,8%) và sống với người thân khác (35,2%). Đây được xem là một đặc điểm của trẻ CPT của TP HCM khi phần lớn các em được nuôi dưỡng trong một gia đình có đầy đủ bố mẹ và người thân.

Tình trạng tài chính của gia đình

Biểu đồ 3. Người duy trì cuộc sống chính trong gia đình trẻ



Xét về yếu tố tài chính cho gia đình, khoảng một nửa số người được hỏi (43,8%) cho rằng cả cha và mẹ đều là người duy trì cuộc sống chính cho gia đình (nghĩa là cả cha và mẹ đều làm ra tiền). Tuy nhiên cũng có một tỷ lệ tương đương những người được hỏi (44,8%) cho rằng cha là người lao động chính trong gia đình và chỉ có 7,6% cho rằng mẹ là lao động chính của gia đình. Điều này cho thấy nét đặc trưng của các gia đình trẻ khuyết tật trong mẫu nghiên cứu này là khoảng gần một nửa gia đình cả cha và mẹ cùng lo lắng kinh tế cho gia đình, và khoảng một nửa gia đình thì người cha là người duy trì cuộc sống chính trong gia đình.

Bảng 8. Gia đình phải chi trả chủ yếu cho những khoản nào trong cuộc sống

	1. Ăn uống		2. Điện, nước		3. Giáo dục trẻ		4. Phí đi lại		5. Khám chữa bệnh		6. Phí thuê nhà		7. Trả nợ		8. Khác	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Có	92	92	87	82,9	96	91,4	74	70,5	73	69,5	9	8,6	13	12,4	7	91,4
Không	11	10,5	16	15,2	7,0	6,7	29	27,6	30	28,6	94	89,5	90	85,7	96	6,7

Những khoản chi phí các gia đình phải trả nhiều nhất lần lượt là: ăn uống (92%), giáo dục (91,4%), điện nước (82,9%), chi phí đi lại (70,5%) và khám chữa bệnh (69,5%). Còn thuê nhà (8,6%) và trả nợ (12,4%) không chiếm một tỷ lệ đáng kể trong mẫu nghiên cứu. Tuy nhiên, một điều đáng chú ý là có đến 91,4% người được hỏi cho rằng họ còn phải có những chi phí khác trong gia đình của họ mà nghiên cứu không kể ra. Đó là những dịch vụ về viễn thông, sinh hoạt trong gia đình, các loại dịch vụ khác...

Nhưng khi yêu cầu phụ huynh nhận xét về cảm nhận của họ đối với những

khoản chi tiêu trong gia đình thì phần lớn cho rằng họ có chi phí tốt (20%) và 53% đánh giá tương đối tốt. Chỉ có một tỷ lệ không cao lắm (21%) phụ huynh nhận xét là họ hơi khó khăn và 8% người được hỏi cho rằng họ gặp khó khăn.

Bảng 9. Người chia sẻ/tư vấn về phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục và đời sống cho gia đình

STT	Người chia sẻ	Không chia sẻ		Có chia sẻ		Xếp hạng
		Tần số	%	Tần số	%	
1	Vợ/ chồng	33	31,4	68	64,8	2
2	Ông của trẻ	89	84,8	13	12,4	7
3	Bà của trẻ	86	81,9	16	15,2	6
4	Người họ hàng	91	86,7	11	10,5	8
5	Bạn thân	83	79,0	19	18,1	5
6	Hàng xóm	96	91,4	6	5,7	9
7	Cha mẹ của những trẻ khuyết tật khác	67	63,8	35	33,3	3
8	Giáo viên và nhân viên ở trường hoặc trung tâm	33	31,4	70	66,7	1
9	Bạn đồng nghiệp	82	78,1	20	19,0	4
10	Thành viên cùng hội tôn giáo	101	96,2	1	1,0	11
11	Ý kiến khác	99	94,3	3	2,9	10

Giáo viên và nhân viên ở Trường và Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật là những người đóng vai trò chia sẻ và tư vấn cho phụ huynh về những vấn đề phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục và đời sống (chiếm 66,7% người nhận xét). Cũng tương tự như vậy, quan hệ vợ/chồng là chỗ dựa vững chắc nhất để chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, những vấn đề về y tế, giáo dục con cái của họ. Họ luôn có sự bàn bạc, thống nhất với nhau ở những vấn đề liên quan đến đứa con khuyết tật của họ. Chính vì vậy tỷ lệ những gia đình đi tìm lời tư vấn/ chia sẻ giữa hai vợ chồng với nhau cũng chiếm tỷ lệ khá cao với 64,8 % người được hỏi. Ngoài ra, cũng cần chú ý đến những đối tượng mà gia đình trẻ khuyết tật cần đi tìm sự động viên, chia sẻ, tư vấn, đó là: cha mẹ của những trẻ khuyết tật khác (33,3%), bạn đồng nghiệp (19%), bạn thân (18,1%). Còn trong quan hệ với người thân thì chỉ có 15,2% gia đình đi tìm lời khuyên của người bà, 12,4% từ người ông, 10,5% từ những người họ hàng. Và chỉ 5,7% người muốn tìm sự chia sẻ của những người hàng xóm.

Bảng 10. Những lo lắng hiện tại

STT	Những lo lắng hiện tại	Không lo lắng		Có lo lắng		Xếp hạng
		Tần số	%	Tần số	%	
1	Sự đau ốm hoặc tai nạn của người duy trì cuộc sống chính trong gia đình	53	50,5	47	44,8	2
2	Sự đau ốm hoặc tai nạn của gia đình	68	64,8	32	30,5	5
3	Không có đủ người trợ giúp chăm sóc trẻ	55	52,4	45	42,9	3
4	Trẻ không thể phục hồi chức năng hay luyện tập cho trẻ được	49	46,7	51	48,6	1
5	Chi trả nhiều cho giáo dục	81	77,1	19	18,1	7
6	Chi trả nhiều cho y tế	86	81,9	14	13,3	8
7	Thu nhập thấp	78	74,3	22	21,0	6
8	Trả các khoản nợ	93	88,6	7	6,7	9,5
9	Không có thời gian rảnh rỗi	56	53,3	44	41,9	4
10	Ý kiến khác	93	88,6	7	6,7	9,5

Vậy cha mẹ trẻ khuyết tật có những lo lắng trong hiện tại như thế nào? Có gần một nửa những người được hỏi (chiếm 48,6%) cho rằng họ lo lắng về việc con họ không thể phục hồi chức năng hay luyện tập được. Họ cũng biết một khi con họ bị khuyết tật thì tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc chữa trị cho trẻ, vì vậy một nỗi lo lắng thứ hai của họ là sự đau ốm hoặc tai nạn của người duy trì cuộc sống chính trong gia đình (44,8 % người trả lời). Mối lo lắng thứ ba của những phụ huynh này là lo lắng về việc không có đủ người trợ giúp chăm sóc trẻ (42,9%) và có 41,9% phụ huynh cho rằng không có thời gian rảnh rỗi. Vì phần lớn các gia đình trẻ khuyết tật đều có cha mẹ đi làm, và nếu là người nội trợ ở nhà thì mẹ cũng phải làm việc khác chứ không thể dành toàn bộ thời gian cho con. Chính vì vậy, họ rất cần có người trợ giúp họ chăm sóc trẻ. Ngoài ra, còn có một tỷ lệ đáng kể nữa mà phụ huynh lo lắng về sự đau ốm và tai nạn của gia đình (30,5%), thu nhập thấp (21%), và chi trả nhiều cho giáo dục (18,1%), cho y tế (13,3%). Còn những nỗi lo khác (trả nợ, ...) thì không đáng kể trong nghiên cứu.

Bảng 11. Những lo lắng về tương lai

STT	Những lo lắng về tương lai	Không lo lắng		Có lo lắng		Xếp hạng
		Tần số	%	Tần số	%	
1	Sự đau ốm hoặc tai nạn của người duy trì cuộc sống chính trong gia đình	50	47,6	49	46,7	2,5
2	Sự đau ốm hoặc tai nạn của gia đình	66	62,9	33	31,4	7

3	Không có đủ người trợ giúp chăm sóc trẻ	62	59,0	39	34,3	5
4	Trẻ không thể phục hồi chức năng hay luyện tập cho trẻ được	50	47,6	49	46,7	2,5
5	Chi trả nhiều cho giáo dục	77	73,3	22	21,0	8
6	Chi trả nhiều cho y tế	86	81,9	13	12,4	9,5
7	Hôn nhân của anh chị em đứa trẻ	88	83,8	11	10,5	11
8	Việc làm của đứa trẻ	56	53,3	43	41,0	4
9	Hôn nhân của đứa trẻ	64	61,0	35	33,3	6
10	Khi mình già đi (đứa trẻ sẽ ra sao)	26	24,8	73	69,5	1
11	Ý kiến khác	83	81,9	13	12,4	9,5

Phụ huynh nhìn về tương lai của con và lo lắng lớn nhất của họ là sợ khi mình già đi không biết đứa trẻ sẽ ra sao (69,5%), có 46,7% phụ huynh lo lắng về sự đau ốm hoặc tai nạn của người duy trì cuộc sống chính trong gia đình và họ còn có một nỗi lo không kém nỗi lo về tai nạn là lo trẻ không thể phục hồi chức năng hay luyện tập gì được (46,7%). Một tỷ lệ khá cao phụ huynh lo cho tương lai việc làm của con mình (chiếm 41,0%), lo không có đủ người trợ giúp chăm sóc trẻ (34,3%), và họ còn lo về hôn nhân của con mình (33,3%), lo cho sự đau ốm hoặc tai nạn nếu người chủ trong gia đình gặp phải (31,4%), nỗi lo chi trả cho giáo dục cũng chiếm (20%). Những bức xúc này thiết nghĩ là rất chính đáng một khi phúc lợi xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu của gia đình người khuyết tật.

Trong giới hạn bài viết chúng tôi chỉ xin nêu kết quả xử lý những dữ liệu thu được, nhằm cung cấp những con số “biết nói” về thực trạng gia đình trẻ, về những nhu cầu bức thiết của những người có con là khuyết tật tại TP HCM cho những ai quan tâm về trẻ và gia đình trẻ khuyết tật nói chung và trẻ CPTTT nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Newschaffer CJ, Croen LA, Daniels J *et al.* (2007), "The epidemiology of autism spectrum disorders" (PDF), *Annu Rev Public Health* 28: 235–58. <http://idea.library.drexel.edu/bitstream/1860/2632/1/2006175339.pdf>.

¹ “The International Joint Research of Parents’ and Family’s needs for children with Developmental Disorder” là nghiên cứu được tài trợ bởi AA Science Platform Program in Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) thực hiện trong 3 năm, từ 8/2008 - 12/ 2010, trong khuôn khổ của 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc, và Việt Nam.

² Số liệu nghiên cứu được thu thập và xử lý trên phần mềm SPSS 15.0.